

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nhi

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09-6-2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01-7-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp 2, xã L1, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp 2, xã L1, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04-5-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Phương T1 trình bày:

Bà T1 và ông Nguyễn Minh T2 tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2019 ngày 05-6-2009. Bà T1 và ông T2 sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bà T1 và ông T2 không hiểu và không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Bà T1 và ông T2 ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, trong thời gian ly thân bà T1 và ông T2 không sắp xếp để vợ chồng hàn gắn. Nay bà T1 xét thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, cuộc sống không hạnh phúc nên bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2.

Về con chung, bà và ông T2 có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10-4-2009, hiện con đang ở với bà T1. Khi ly hôn bà T1 yêu cầu tiếp tục nuôi con chung,

không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà T1, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo lời trình bày của các bên và tài liệu đã thu thập được xác định:

[1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị Phương T1 với ông Nguyễn Minh T2 là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Minh T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T1 với ông Nguyễn Minh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2019 ngày 05-6-2009 là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn giữa bà T1 và ông T2 ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T2. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà T1, Tòa án đã thông báo cho ông T2 biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho ông T2 và bà T1 giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông T2 không tham gia. Tại phiên tòa bà T1 kiên quyết xin ly hôn với ông T2. Xét hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T1 đối với ông T2.

[3] Về nuôi con chung: bà T1 và ông T2 có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10-4-2009 hiện đang ở với bà T1. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Quân có nêu nguyện vọng được sống với bà T1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy giao con chung tên Nguyễn Minh Q cho bà T1 tiếp tục nuôi là phù hợp, ông Nguyễn Minh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị Phương T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Phương T1 đối với ông Nguyễn Minh T2.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T1 được ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

Về nuôi con chung: Giao bà T1 trực tiếp nuôi 01 người con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10-4-2009, ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông T2 có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0007175 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An; Bà Lê Thị Phương T1 đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Minh T2 không chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị Phương T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/7/2020. Ông Nguyễn Minh T2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L1, h. Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lưu Thủy